

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Phiếu số 02/NCPT-DH/2016

Cơ quan thống kê ghi

Mã đơn vị điều tra

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
NĂM 2016**

(ÁP DỤNG CHO ĐẠI HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC, HỌC VIỆN,
CAO ĐẲNG)

Tên đơn vị

Tên giao dịch viết tắt (nếu có)

Địa chỉ

Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương

Điện thoại

Fax

Email

Website

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ

(Điều tra nghiên cứu và phát triển năm 2016 được thực hiện theo Quyết định 1277/QĐ-BKHCN ngày 24/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, các thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo luật định)

1. Thông tin về thủ trưởng đơn vị (Ghi đầy đủ Họ và tên; Đánh dấu vào mục phù hợp đối với học vị, chức danh):

1.1. Họ và tên thủ trưởng:

1.2. Trình độ: ☐ Tiến sĩ ☐ Thạc sĩ ☐ Đại học ☐ Cao đẳng

1.3. Chức danh: ☐ Giáo sư ☐ Phó giáo sư

1.4. Phương tiện liên lạc (nếu là số ĐT cố định ghi cả mã vùng): Điện thoại:

Di động: Email:

2. Loại hình kinh tế (Đánh dấu X vào 1 mục phù hợp nhất):

☐ 1. Nhà nước

☐ 2. Ngoài nhà nước

☐ 3. Có vốn đầu tư nước ngoài

3. Cơ quan quản lý trực tiếp

4. Bộ, ngành/tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ quản (Nếu là các tổ chức thuộc Nhà nước (công lập), ghi Bộ/ngành hoặc UBND Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; nếu là các tổ chức KH&CN ngoài công lập thuộc địa phương, ghi UBND Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; Nếu là thuộc cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội nghề nghiệp ghi tên cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội nghề nghiệp):

5. Mô tả lĩnh vực nghiên cứu chính của đơn vị (Ghi các lĩnh vực có tỷ trọng theo kinh phí sử dụng của từng lĩnh vực trong toàn bộ hoạt động KH&CN; Tổng tỷ trọng phải là 100%, Ghi theo mã ngành cấp 2 trong Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu KH&CN Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN, được cung cấp trong Hướng dẫn điền phiếu).

Mô tả lĩnh vực KH&CN	Mã Lĩnh vực	Tỷ trọng (%)
1.		
2.		
3.		
...		

6. Loại hình hoạt động nghiên cứu chính của đơn vị; Nếu thực hiện nhiều loại hình, xin cho biết tỷ trọng tính dựa theo kinh phí sử dụng giữa các loại hình (Chú ý: Tổng tỷ trọng của các loại hình phải là 100%)

Loại hình hoạt động chính	Tỷ trọng (%)
Nghiên cứu cơ bản	
Nghiên cứu ứng dụng	
Triển khai thực nghiệm	
Sản xuất thử nghiệm	

PHẦN II: THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

(Số liệu tại thời điểm 31/12/2015)

1. Nhân lực trực tiếp tham gia tham gia hoạt động NC&PT của đơn vị chia theo vị trí hoạt động

Đơn vị tính: người

Nhân lực	Mã số	Số lượng	Trong đó: Nữ
1. Cán bộ nghiên cứu (có trình độ cao đẳng trở lên, dành tối thiểu 10% thời gian cho hoạt động NC&PT)	01		
2. Cán bộ kỹ thuật (gồm kỹ thuật viên, nhân viên phòng thí nghiệm có trình độ Trung cấp và tương đương)	02		
3. Nhân viên hỗ trợ (là các nhân viên hành chính và văn phòng)	03		
4. Khác	04		
Tổng số (05=01+02+03+04)	05		

2. Cán bộ nghiên cứu chia theo trình độ chuyên môn và chức danh (Phần này chỉ tính những người đã được tính trong Mục 1 của Bảng 1. Đây là những người có trình độ cao đẳng trở lên).

Đơn vị tính: người

Cán bộ nghiên cứu	Mã số	Số lượng	Trong đó: Nữ
1. Chia theo trình độ (01=02+03+04+05)	01		
1.1 Tiến sĩ	02		
1.2 Thạc sĩ	03		
1.3 Đại học	04		
1.4 Cao đẳng	05		
2. Trong đó (06=07+08)	06		
2.1 Giáo sư	07		
2.2 Phó giáo sư	08		

3. Cán bộ nghiên cứu của đơn vị chia theo lĩnh vực nghiên cứu (Phần này chỉ tính những người đã được tính trong Mục 1 của Bảng 1. Lưu ý phân theo lĩnh vực mà họ đang nghiên cứu, không phải theo chuyên ngành đào tạo).

Đơn vị tính: người

Lĩnh vực nghiên cứu	Mã số	Số lượng	Trong đó: Nữ
1. Khoa học tự nhiên	01		
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ	02		
3. Khoa học y, dược	03		
4. Khoa học nông nghiệp	04		
5. Khoa học xã hội	05		
6. Khoa học nhân văn	06		
Tổng số (07 = 01+...+06)	07		

(Ghi chú: Mục tổng số của bảng này phải bằng số lượng của mục 1 của Bảng 1 và mục 1 của Bảng 2)

4. Thời gian dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (lựa chọn 01 nhiệm vụ KH&CN của đơn vị và ước tính mức độ phân bổ thời gian dành cho mỗi hoạt động của 03 cán bộ thực hiện nhiệm vụ)

Đơn vị tính: Tỷ lệ (%)

	Giảng dạy, đào tạo	Nghiên cứu khoa học	Hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	Khác	Tổng số
A	1	2	3	4	5=1+...+4
Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN					100
Thư ký					100
Cán bộ tham gia					100

PHẦN III: THÔNG TIN VỀ CHI PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

(Trong năm 2015)

1. Chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển chia theo nguồn cấp kinh phí

Đơn vị tính: triệu đồng

Nguồn cấp kinh phí	Mã số	Chi phí
1. Ngân sách nhà nước (01=02+03)	01	
1.1 Ngân sách trung ương	02	
1.2 Ngân sách địa phương	03	
2. Ngoài ngân sách nhà nước (04=05+06+07)	04	
2.1 Từ nguồn doanh nghiệp	05	
2.2 Từ nguồn tự có của trường Đại học	06	
2.3 Từ nguồn khác	07	
3. Nước ngoài	08	
Tổng số (09=01+04+08)	09	

2. Chi phí cho nghiên cứu và phát triển chia theo loại chi

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại chi	Mã số	Chi phí
1. Chi đầu tư phát triển KH&CN	01	
2. Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN (02=03+...+07)	02	
- Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia	03	
- Nhiệm vụ KH&CN cấp bộ	04	
- Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	05	
- Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở	06	
- Nhiệm vụ KH&CN khác	07	
3. Chi khác cho nghiên cứu và phát triển	08	
Tổng số (09= 01 +02 +08)	09	

3. Chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển chia theo lĩnh vực nghiên cứu

Đơn vị tính: triệu đồng

Lĩnh vực nghiên cứu	Mã số	Chi phí
1. Khoa học tự nhiên	01	
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ	02	
3. Khoa học y, dược	03	
4. Khoa học nông nghiệp	04	
5. Khoa học xã hội	05	
6. Khoa học nhân văn	06	
Tổng số (07 = 01+...+06)	07	

(Ghi chú: Phần "Tổng số" của các bảng trong phần này phải bằng nhau)

PHẦN IV: HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

(Trong năm 2015)

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Chỉ tính số nhiệm vụ KH&CN do đơn vị chủ trì thực hiện)

Nhiệm vụ KH&CN do cơ quan chủ trì	Mã số	Tổng số nhiệm vụ thực hiện trong năm	Trong đó chia theo:		Số nhiệm vụ được nghiệm thu trong năm	Số nhiệm vụ được ứng dụng (giai đoạn 2011-2015)
			Số chuyển tiếp từ năm trước	Số được phê duyệt mới trong năm		
A	B	1 = 2 + 3	2	3	4	5
1. TỔNG SỐ NHIỆM VỤ (01=02+...+06) Chia theo cấp quản lý	01					
1.1 Cấp quốc gia	02					
1.2 Cấp bộ	03					
1.3 Cấp tỉnh	04					
1.4 Cấp cơ sở	05					
1.5 Cấp khác	06					
2. SỐ NHIỆM VỤ CÓ CHỦ NHIỆM LÀ NỮ	07					

2. Kết quả/sản phẩm của hoạt động NC&PT

Loại sản phẩm	Đơn vị	Số lượng
Số công nghệ mới/cải tiến đã chuyển giao cho sản xuất	Công nghệ	
Doanh thu từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ/kết quả nghiên cứu	Triệu đồng	
Số tiến sĩ được đào tạo trong năm thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Người	
Số thạc sĩ được đào tạo trong năm thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Người	

Người trả lời phiếu:

Họ và tên:.....

Điện thoại:.....

E-mail:.....

....., ngày..... tháng..... năm 2016

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

Điều tra viên:

Họ và tên:.....

Điện thoại:.....

E-mail:.....

Thông tin liên hệ:

Trung tâm Thống kê khoa học và công nghệ

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội,

Tel. (04) 38256143; Fax: (04) 39349127; Email: vtthuy@vista.gov.vn

Cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1588* /SKHCN-TTTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2016

V/v thực hiện điều tra nghiên cứu và
phát triển năm 2016

Kính gửi: Lãnh đạo cơ quan, đơn vị

Căn cứ Quyết định số 144/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng chính phủ về ban hành chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-BKHCN ngày 24 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về điều tra nghiên cứu và phát triển năm 2016;

Căn cứ Công văn số 381/TTKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia về tiến hành Điều tra nghiên cứu và phát triển và Điều tra Hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ năm 2016.

Sở Khoa học và Công nghệ TP. HCM tiến hành điều tra nghiên cứu và phát triển năm 2016 kể từ ngày 01/7/2016. Mục tiêu của cuộc điều tra nhằm thu thập thông tin về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các trường đại học, các tổ chức dịch vụ KH&CN, các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác có hoạt động nghiên cứu và phát triển để phục vụ đánh giá, xây dựng chính sách, chiến lược khoa học và công nghệ.

Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM gửi kèm công văn này mẫu phiếu điều tra dành cho Quý cơ quan, đơn vị. Đề nghị Quý cơ quan, đơn vị điền đầy đủ thông tin vào mẫu phiếu điều tra gửi kèm và chuyển về đơn vị đầu mối là Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ TP. HCM theo đúng tiến độ quy định (trước ngày 05/08/2016).

Các văn bản, tài liệu và hướng dẫn liên quan đến cuộc điều tra nghiên cứu và phát triển năm 2016 đã được đăng tải tại chuyên mục "Thống kê KH&CN" trên website: <http://www.cesti.gov.vn>.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, vui lòng liên hệ Trung tâm Thông tin để được hướng dẫn cụ thể:

Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ TP.HCM

Địa chỉ: 79 Trương Định, Phường Bến Thành Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 3829 7040 (222)

Người liên hệ: Lê Trần Duy Sang

Email: duysang@cesti.gov.vn

Đề nghị Quý cơ quan, đơn vị nghiên cứu và bố trí nhân sự triển khai thực hiện công việc theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở (để b/c);
- Lưu: VT, TTTT, S(135). *MB*



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Kỳ Phùng

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NĂM 2016**
Thời kỳ thu thập số liệu: Số liệu tính từ 01/01/2015 đến 31/12/2015

I. ĐỊNH NGHĨA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Hoạt động khoa học và công nghệ là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ.

Nghiên cứu khoa học là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn.

Phát triển công nghệ là hoạt động sử dụng kết quả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, thông qua việc triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm để hoàn thiện công nghệ hiện có, tạo ra công nghệ mới.

II. PHÂN BIỆT NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Các hoạt động liên quan tới KH&CN nhưng không được tính là nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ bao gồm:

- | | |
|---|-------------------------------------|
| - Giáo dục và đào tạo; | - Tiêu chuẩn và đo lường; |
| - Các dịch vụ KH&CN/Các hoạt động KH&CN khác; | - Nghiên cứu khả thi; |
| - Các hoạt động công nghiệp khác; | - Chăm sóc sức khỏe đặc biệt; |
| - Các hoạt động quản trị và hỗ trợ; | - Công tác sở hữu trí tuệ; |
| - Thu thập dữ liệu vì mục đích chung; | - Phát triển phần mềm thông thường. |

Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn:

- Các dịch vụ KH&CN của thư viện, lưu trữ, trung tâm thông tin và tư liệu, các đơn vị tra cứu, trung tâm hội nghị khoa học, ngân hàng dữ liệu và các cơ quan xử lý thông tin;
- Các dịch vụ KH&CN của các viện bảo tàng khoa học và/hoặc công nghệ, vườn thực vật và vườn thú và các bộ sưu tập khoa học khác (nhân chủng học, khảo cổ học, địa chất...);
- Công việc có tính hệ thống về dịch thuật, hiệu đính các loại sách và tạp chí KH&CN (trừ sách giáo khoa phổ thông và giáo trình đại học);
- Các cuộc điều tra về địa hình, địa chất và thủy văn; các quan trắc thường xuyên về thiên văn, khí tượng, địa chấn; điều tra về thổ nhưỡng và thực vật, các nguồn tài nguyên hoang dã; kiểm tra đất, nước, không khí; kiểm tra thường nhật và quan trắc mức phóng xạ;
- Điều tra thăm dò và các công việc liên quan nhằm định vị và xác định tài nguyên khoáng sản, dầu mỏ;
- Thu thập thông tin về nhân loại, các hiện tượng xã hội, kinh tế và văn hóa, tập hợp những thông tin thống kê thường ngày như điều tra dân số, thống kê sản lượng, phân phối và tiêu thụ, nghiên cứu thị trường, thống kê xã hội và văn hóa, v.v.
- Kiểm định, tiêu chuẩn hóa, đo lường và kiểm soát chất lượng: công việc thường xuyên về phân tích, kiểm tra, kiểm nghiệm bằng những biện pháp được công nhận các vật liệu, sản phẩm, thiết bị và quy trình, cùng với việc thiết lập và duy trì các tiêu chuẩn và chuẩn đo lường;
- Công việc thường xuyên hàng ngày để tư vấn cho khách hàng, các bộ phận khác của tổ chức hoặc người dùng độc lập, được thiết kế để giúp họ tận dụng thông tin khoa học, công nghệ và quản lý. Hoạt động này cũng bao hàm các dịch vụ khuyến nông, khuyến công và tư vấn do nhà nước tổ chức cho nông dân và ngành công nghiệp mà không bao gồm các hoạt động thông thường trong lập kế hoạch dự án hoặc các phòng kỹ thuật;
- Các hoạt động liên quan đến bằng sáng chế và li xăng: công việc có tính hệ thống có bản chất khoa học, luật pháp và hành chính về bằng sáng chế và li xăng của các cơ quan nhà nước tiến hành.

Để xác định rõ hoạt động nghiên cứu khoa học, UNESCO đưa ra 4 yếu tố căn bản để xác định hoạt động nào là nghiên cứu khoa học là:

- | | |
|---------------------|---------------------------------|
| - Tính sáng tạo; | - Sử dụng phương pháp khoa học; |
| - Tính mới/đổi mới; | - Tạo ra những tri thức mới. |

III. HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ

Phần đầu phiếu

Tên đơn vị

Ghi tên đầy đủ của đơn vị như trong Quyết định thành lập hoặc trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN. Không viết tắt các từ trong tên trừ khi đó là những từ viết tắt có trong tên của đơn vị.

Viết hoa chữ cái đầu tiên của từ đầu tiên và của từ đầu tiên của từng cụm từ. Ví dụ:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Viện Công nghệ Thông tin

Nếu tên đơn vị có chứa thành phần là tên riêng của người hoặc địa danh, viết hoa tất cả các chữ đầu tiên của tên riêng của người và địa danh. Ví dụ:

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Tên giao dịch viết tắt (nếu có):

Ghi tên viết tắt thường được sử dụng trong giao dịch. Nếu tên giao dịch được viết bằng các chữ cái đầu của các từ của tên thì viết các chữ cái bằng chữ in hoa và không để khoảng trống ở giữa chúng. Ví dụ: *NASATI; IOIT*

Không dùng dấu chấm để phân cách các chữ cái viết tắt (N.A.S.A.T.I, I.O.I.T).

Địa chỉ:

Ghi tách thành hai phần:

- Số nhà, đường phố, phường, quận/huyện hoặc thôn, xã, huyện;
- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ví dụ: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Địa chỉ: 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm

Tỉnh/Tp: Hà Nội

Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, không ghi thêm chữ tỉnh hoặc tp. (hoặc thành phố) trừ trường hợp thành phố Hồ Chí Minh, ví dụ:

Hà Nội

Thái Bình

Đà Nẵng

Tp. Hồ Chí Minh

Ví dụ: Trung tâm Thông tin KH&CN Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 79 Trương Định, Quận 1

Tỉnh/Tp: Tp. Hồ Chí Minh (Không ghi: Hồ Chí Minh)

Điện thoại và fax: ghi cả mã vùng và số điện riêng. Phân cách mã vùng và số điện thoại/fax bằng dấu gạch ngang. Không cần phân cách các số thành các nhóm số.

04-39349923

không ghi 04-3934 9923 hoặc 04-3934-9923

063-33822191

Email: Ghi địa chỉ Email của cơ quan nếu có. Trường hợp không có email chung của cơ quan, ghi địa chỉ email của Thủ trưởng đơn vị.

nguyenvana@vista.gov.vn

Website: Ghi địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị báo cáo nếu có. Ví dụ:

<http://www.vista.gov.vn>

1. Thông tin về thủ trưởng đơn vị

Ghi rõ họ và tên của thủ trưởng cơ quan, người đứng đầu đơn vị. Đánh dấu vào trình độ, chức danh phù hợp và ghi đầy đủ thông tin liên hệ.

2. Loại hình kinh tế

Đánh dấu X vào 1 loại hình kinh tế phù hợp nhất.

☐ 1. Nhà nước ☐ 2. Ngoài nhà nước ☐ 3. Có vốn đầu tư nước ngoài

3. Cơ quan quản lý trực tiếp

Ghi tên đơn vị/tổ chức cấp trên trực tiếp quản lý của đơn vị báo cáo, ví dụ:

- Nếu đơn vị báo cáo là Viện Công nghệ sinh học thuộc Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, thì ghi cơ quan quản lý trực tiếp là Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam;

- Nếu đơn vị báo cáo là Viện Nghiên cứu hạt nhân thuộc Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, Bộ KH&CN, thì cơ quan quản lý trực tiếp của Viện Nghiên cứu hạt nhân là Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam.

4. Bộ, ngành/tỉnh, TP trực thuộc trung ương chủ quản

Nếu đơn vị báo cáo thuộc Bộ/ngành, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thì ghi tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao là chủ quản của đơn vị đó. Ví dụ:

Bộ Khoa học và Công nghệ Bộ Công thương Tòa án nhân dân tối cao Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

Nếu đơn vị báo cáo là do tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương quản lý, ghi: UBND và tên tỉnh hoặc Tp. trực thuộc Trung ương chủ quản. Ví dụ:

UBND Tp. Hà Nội UBND Tp. Hồ Chí Minh

UBND tỉnh Hà Nam

Nếu là thuộc cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội nghề nghiệp thì ghi tên cơ quan trung ương của tổ chức đó. Ví dụ:

Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam

Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam

Nếu cơ quan chủ quản là tập đoàn, tổng công ty Nhà nước trực thuộc Chính phủ, ghi tên tập đoàn, tổng công ty chủ quản.

6. Mô tả lĩnh vực nghiên cứu của đơn vị

Mô tả ngắn gọn lĩnh vực hoạt động của đơn vị theo mã ngành cấp 2 trong Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu KH&CN Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN. Nếu có nhiều lĩnh vực nghiên cứu, xin cho biết tỷ trọng theo kinh phí sử dụng của từng lĩnh vực trong toàn bộ hoạt động KH&CN (Chú ý: Tổng tỷ trọng phải là 100%). Tham khảo Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu KH&CN cấp 2 ban hành theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN của Bộ trưởng Bộ KH&CN tại phần Phụ lục.

Mã lĩnh vực do cơ quan thống kê ghi.

7. Loại hình hoạt động KH&CN chính của đơn vị

Ghi loại hình nghiên cứu chính của đơn vị. Nếu thực hiện nhiều loại hình, xin cho biết tỷ trọng tính dựa theo kinh phí sử dụng giữa các loại hình (Chú ý: Tổng tỷ trọng của các loại hình phải là 100%).

- **Nghiên cứu cơ bản** là hoạt động nghiên cứu nhằm khám phá bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tự duy.

- **Nghiên cứu ứng dụng** là hoạt động nghiên cứu vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ phục vụ lợi ích của con người và xã hội;

- **Triển khai thực nghiệm** là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu;

- **Sản xuất thử nghiệm** là hoạt động ứng dụng kết quả triển khai thực nghiệm để sản xuất thử nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

PHẦN II: THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ (Số liệu tại thời điểm 31/12/2015)

2.1. Nhân lực trực tiếp tham gia tham gia hoạt động NC&PT của đơn vị chia theo vị trí hoạt động

Là toàn bộ số cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia hoạt động NC&PT. Nhân lực NC&PT chia theo 3 nhóm: Cán bộ nghiên cứu - Nhà nghiên cứu/nhà khoa học (có trình độ cao đẳng trở lên), cán bộ kỹ thuật, nhân viên hỗ trợ và nhân lực khác.

- **Cán bộ nghiên cứu:** là những cán bộ chuyên nghiệp có trình độ cao đẳng/đại học, thạc sĩ và tiến sĩ tham gia vào quá trình tạo ra những tri thức, sản phẩm và quá trình mới, tạo ra phương pháp và hệ thống mới; dành tối thiểu 10% thời gian cho hoạt động NC&PT. Nhóm này bao gồm cả những nhà quản lý trực tiếp hoạt động NC&PT.

- **Cán bộ kỹ thuật:** bao gồm những người thực hiện nhiệm vụ có kinh nghiệm và hiểu biết kỹ thuật về một trong các lĩnh vực của KH&CN. Họ tham gia vào NC&PT bằng việc thực hiện những nhiệm vụ khoa học và kỹ thuật có áp dụng những khái niệm và phương pháp vận hành dưới sự giám sát của cán bộ nghiên cứu. Gồm kỹ thuật viên, nhân viên phòng thí nghiệm có trình độ Trung cấp và tương đương.

- **Nhân viên hỗ trợ:** bao gồm những người có hoặc không có kỹ năng, nhân viên hành chính và văn phòng tham gia vào dự án NC&PT. Trong nhóm này bao gồm cả những người làm quản lý và quản trị hành chính và các việc liên quan đến nhân sự, tài chính và hành chính nếu các công việc của họ trực tiếp phục vụ công việc NC&PT.

- **Nhân lực khác:** là những người trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không thuộc các nhóm trên.

Những người làm công việc phục vụ gián tiếp như căng tin, tạp vụ, vệ sinh, lái xe, bảo vệ, thường trực... thì không được coi là nhân lực NC&PT.

Cách ghi cụ thể đối với từng nhóm đối tượng như sau:

- Đối với các **Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**, ghi toàn bộ số nhân lực của đơn vị, kể cả những người làm trong khu vực hành chính, nhưng không tính những người chỉ tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các bộ phận chuyên sản xuất, kinh doanh (nhưng nếu có thực hiện sản xuất thử nghiệm thì vẫn tính vào nhân lực NC&PT).

- Đối với **Cơ sở giáo dục đại học**: cán bộ NC&PT là những người thuộc các viện/trung tâm chuyên nghiên cứu của trường. Ngoài ra còn bao gồm cả cán bộ giảng dạy có làm NC&PT nhưng phải dành nhiều hơn 10% thời gian cho NC&PT. Nếu dưới 10% thì không tính là cán bộ NC&PT.

- Đối với các **Tổ chức Dịch vụ KH&CN** (Thông tin, thư viện; bảo tàng KH&CN; dịch thuật, biên tập, xuất bản cho KH&CN; điều tra cơ bản định kỳ, thường xuyên; thống kê, điều tra xã hội; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; tư vấn về KH&CN; sở hữu trí tuệ; chuyển giao công nghệ;...), các **Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động NC&PT** (các Tổng cục, Cục, Sở KH&CN...), các **đơn vị sự nghiệp khác có hoạt động NC&PT** (các bệnh viện, các đơn vị sự nghiệp của bộ ngành, địa phương) chỉ tính những người có tham gia nhiệm vụ KH&CN.

Chú ý xác định rõ số lượng và số Nữ.

2.2. Cán bộ nghiên cứu chia theo trình độ chuyên môn và chức danh

Phần này chỉ tính những người đã được được thống kê trong Mục 1 của Bảng 1 của Phiếu điều tra. Đây là những người có trình độ cao đẳng trở lên. Đối với viện, trung tâm chuyên thực hiện NC&PT, cán bộ nghiên cứu gồm tất cả những cán bộ có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, đối với trường đại học, cao đẳng, học viện là cán bộ giảng dạy và nghiên cứu dành tối thiểu 10% thời gian tham gia hoặc phục vụ công tác NC&PT. Đối với cơ quan quản lý nhà nước, hành chính, sự nghiệp công lập có hoạt động NC&PT thì chỉ tính những người có tham gia nhiệm vụ KH&CN

Chia theo trình độ chuyên môn: Chia theo 4 trình độ: 1. Tiến sĩ; 2. Thạc sĩ; 3. Đại học; 4. Cao đẳng;

Trong đó bao gồm chức danh GS, PGS: Chỉ tính những người có chức danh Giáo sư và Phó giáo sư.

Số lượng trong mục (01) của bảng này phải bằng số lượng trong mục (1) của bảng 1

2.3. Số cán bộ nghiên cứu chia theo lĩnh vực nghiên cứu

Phần này chỉ tính những người có trình độ cao đẳng trở lên, dựa vào lĩnh vực đang nghiên cứu, không phải theo chuyên ngành đào tạo. Điền chi tiết đến cấp 1 theo Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN bao gồm:

- | | | |
|-------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| - Khoa học tự nhiên; | - Khoa học kỹ thuật và công nghệ; | - Khoa học y, dược; |
| - Khoa học nông nghiệp; | - Khoa học xã hội; | - Khoa học nhân văn. |

Số lượng trong mục tổng số (07) của bảng này phải bằng số lượng trong mục (01) của bảng 1.

2.4. Thời gian dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Phần này **không** áp dụng đối với các Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ)

Đối với mục này, đơn vị điền phiếu điều tra sẽ chọn ra 1 nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện trong năm 2015 của đơn vị mình sau đó thu thập thông tin của 3 cá nhân tham gia vào nhiệm vụ đó bao gồm: 1 chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN, 1 thư ký và 1 cán bộ tham gia nhiệm vụ.

Đối với mỗi cá nhân, đơn vị điền phiếu sẽ thu thập thông tin về phân bổ thời gian dành cho các hoạt động của cá nhân đó theo tỷ lệ phần trăm (%) bao gồm:

- Tỷ lệ thời gian dành cho nghiên cứu khoa học;
- Tỷ lệ thời gian dành cho giảng dạy, đào tạo;
- Tỷ lệ thời gian dành cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ;
- Tỷ lệ thời gian dành cho các hoạt động khác.

Tổng tỷ lệ của tất cả các hoạt động phải bằng 100%.

PHẦN III. THÔNG TIN VỀ CHI PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ (trong năm 2015)

3.1. Chi phí cho hoạt động NC&PT chia theo nguồn cấp kinh phí

Nguồn cấp kinh phí được chia thành 3 loại nguồn:

- Từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả các nguồn có tính chất ngân sách nhà nước), được chia thành ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương. Ngân sách Trung ương bao gồm kinh phí cân đối từ Bộ KH&CN và từ các Bộ ngành. Ngân sách địa phương là nguồn được cân đối từ ngân sách của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước bao gồm từ nguồn doanh nghiệp và từ nguồn tự có của trường đại học;
- Từ nguồn nước ngoài.

Đơn vị tính: triệu đồng.

3.2. Chi phí cho NC&PT theo loại chi

• Đối với **Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**, tổ chức ngoài nhà nước có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (là đơn vị có chức năng chủ yếu là NC&PT): đó là mọi chi phí cho NC&PT, chi phí thường xuyên (như mua vật tư tiêu hao, văn phòng phẩm, thiết bị cho NC&PT, điện nước, nhiên liệu, tư liệu, tạp chí, bưu điện, quản lý...), lương của cán bộ, khấu hao, xây dựng cơ bản, thuê mướn đất đai, nhà xưởng, mua sắm thiết bị vật tư nghiên cứu của cơ quan. Tuy nhiên, Không tính vào đây các chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cụ thể, chi phí cho NC&PT bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển KH&CN là các khoản chi phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức KH&CN không phân biệt thành phần kinh tế theo các nội dung sau:

+ Xây dựng mới, nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu của các tổ chức KH&CN bao gồm: Phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm, trạm thực nghiệm; trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và đánh giá sự phù hợp; các cơ sở thiết kế, chế tạo, thử nghiệm chuyên dụng; các cơ sở ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng; thông tin và thống kê KH&CN; tổ chức trung gian của thị trường KH&CN;

+ Xây dựng khu nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cho các khu công nghệ cao;

+ Xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thống kê về KH&CN;

+ Các hoạt động đầu tư khác phục vụ phát triển KH&CN.

- Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN bao gồm các mục sau:

- + Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia;
- + Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh/thành phố;
- + Nhiệm vụ KH&CN khác.

- + Nhiệm vụ KH&CN cấp bộ;
- + Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

- Chỉ cho hoạt động của cơ quan và chi khác bao gồm: chi hoạt động bộ máy, chi tiền lương tiền công và các khoản chi khác ngoài các khoản chi trên.

Đơn vị tính: triệu đồng.

• **Đối với Cơ sở giáo dục đại học và đơn vị Dịch vụ KH&CN:**

+ **Đối với Cơ sở giáo dục đại học:** chỉ tính các chi phí thực hiện đề tài nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu sinh cấp tiến sĩ. Bao gồm cả các chi phí cho thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu do Nhà nước cấp, thực hiện theo hợp đồng với cơ quan ngoài, nhận từ các dự án của nước ngoài, tổ chức quốc tế. Không tính chi phí cho công tác giảng dạy, đào tạo sinh viên, xây dựng trường sở,.... Chi phí cho thư viện nhà trường, xây dựng trung tâm máy tính phục vụ đào tạo sẽ không tính vào chi phí cho NC&PT.

+ **Đối với đơn vị Dịch vụ KH&CN:** chỉ tính các chi phí thực hiện hoạt động NC&PT.

Cụ thể, chi phí cho NC&PT của hai nhóm đối tượng này bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển cho KH&CN;

- Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN bao gồm:

- + Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia;
- + Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh/thành phố;
- + Nhiệm vụ KH&CN khác.

- + Nhiệm vụ KH&CN cấp bộ;
- + Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

- Chi khác cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: là các khoản chi phục vụ hoạt động NC&PT không thuộc các khoản chi trên.

Đơn vị tính: triệu đồng.

• **Đối với Cơ quan hành chính, sự nghiệp công lập có hoạt động NC&PT:** chỉ tính chi phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ bao gồm chi phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, cụ thể bao gồm:

- + Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia;
- + Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh/thành phố;
- + Nhiệm vụ KH&CN khác.

- + Nhiệm vụ KH&CN cấp bộ;
- + Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

Đơn vị tính: triệu đồng.

3.3. Chi phí cho hoạt động NC&PT chia theo lĩnh vực nghiên cứu

Tổng chi cho NC&PT là tổng chi phí trong đề thực hiện công việc NC&PT tại đơn vị thống kê, không phân biệt nguồn kinh phí. Đó là chi phí mà một đơn vị đã nhận từ các nguồn khác nhau (không phân biệt nguồn cấp hay xuất xứ) để tiến hành hoạt động NC&PT (kể cả chi phí cho nghiên cứu làm thuê cho các cơ quan ngoài). Tuy nhiên, chi phí này không bao gồm các chi phí dành cho NC&PT nhưng không do chính đơn vị thống kê thực hiện (ví dụ, chuyển cho cơ quan ngoài thực hiện).

Chi phí cho NC&PT chia theo các lĩnh vực nghiên cứu sau:

- Khoa học tự nhiên;
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Khoa học y, dược;
- Khoa học nông nghiệp;
- Khoa học xã hội;
- Khoa học nhân văn.

Đơn vị tính: triệu đồng.

PHẦN IV. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ (trong năm 2015)

4.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Chỉ tính những nhiệm vụ KH&CN mà đơn vị điền phiếu là cơ quan chủ trì nhiệm vụ; không tính những nhiệm vụ KH&CN mà đơn vị chỉ tham gia với tư cách cơ quan phối hợp để tránh trùng lặp.

Chia theo cấp quản lý: ghi số lượng nhiệm vụ theo cấp quản lý: cấp quốc gia; cấp bộ/ngành; cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cấp cơ sở và cấp khác.

- Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia là những nhiệm vụ thuộc các chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước, những đề tài độc lập cấp nhà nước hoặc những nhiệm vụ hợp tác quốc tế theo nghị định thư. Những nhiệm vụ này do Bộ trưởng Bộ KH&CN quyết định thực hiện hoặc phê duyệt danh mục.

- Nhiệm vụ KH&CN cấp bộ/ngành là những nhiệm vụ KH&CN do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ cơ quan thuộc chính phủ, lãnh đạo của cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị, chính trị xã hội, xã hội - nghề nghiệp quyết định thực hiện hoặc ủy quyền quyết định thực hiện.

- Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là những nhiệm vụ do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thực hiện hoặc ủy quyền quyết định thực hiện.

- Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở là các nhiệm vụ do cơ quan, đơn vị quyết định thực hiện.

- Nhiệm vụ KH&CN khác: bao gồm nhiệm vụ KH&CN khác không nêu ở trên. Những loại này có thể bao gồm loại đề tài HTQT không phải Nghị định thư như các đề tài HTQT với nước ngoài, sử dụng kinh phí do ngoài nhà nước hoặc do nước ngoài cấp.

Tổng số nhiệm vụ 01 = 02+03+04+05+06.

Lưu ý trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có liệt kê số nhiệm vụ KH&CN có chủ nhiệm là nữ.

4.2. Kết quả/sản phẩm của hoạt động NC&PT

Kết quả của hoạt động NC&PT được phản ánh dưới các loại sản phẩm sau:

- Số công nghệ mới/cải tiến đã chuyển giao cho sản xuất: là số công nghệ lần đầu được tạo ra hoặc được nâng cấp và được chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ vào sản xuất. Đơn vị tính: công nghệ.

- Doanh thu từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ/kết quả nghiên cứu: là số tiền thu được từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc từ kết quả nghiên cứu. Đơn vị tính: triệu đồng.

- Số tiến sĩ được đào tạo trong năm: là số người đã được nhận bằng tiến sĩ được đào tạo cả ở trong nước và nước ngoài nằm trong nội dung hoạt động của các nhiệm vụ KH&CN. Đơn vị tính: người.

- Số thạc sĩ được đào tạo trong năm: là số người đã được nhận bằng thạc sĩ được đào tạo cả ở trong nước và nước ngoài nằm trong nội dung hoạt động của các nhiệm vụ KH&CN. Đơn vị tính: người.

Số: 1277/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2016

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 30/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thống kê khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiến hành Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2016, thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia, từ ngày 01/6/2016 đến 30/6/2016 theo Phương án được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2016 theo đúng kế hoạch, nội dung và phương án quy định. Kinh phí thực hiện Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2016 được lấy từ kinh phí thực hiện nhiệm vụ thống kê khoa học và công nghệ năm 2016 đã được giao cho Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tổng cục Thống kê;
- Các tổ chức KH&CN;
- Lưu VT, TTKHCN.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Trần Việt Thanh